

# KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

## Quyển 4

### Phẩm thứ 9: TỨ Y<sup>1</sup>

[875c] Đức Phật lại bảo ngài Ca-diếp rằng:

- Trong kinh Đại bát-nê-hoàn này có bốn hạng người xuất hiện giữa thế gian. Họ có khả năng hướng đến chính pháp, hộ trì chính pháp. Họ có thể làm bốn chỗ nương tựa, đem đến rất nhiều sự giải thoát và nhiều sự lợi ích. Bốn hạng ấy gồm: Một là phàm phu chưa lìa phiền não xuất hiện ở đời, đem đến rất nhiều sự giải thoát và nhiều sự lợi ích. Hai là hạng người chứng Tu-đà-hoàn hoặc Tu-đà-hàm. Ba là hạng người chứng A-na-hàm. Bốn là hạng người chứng A-la-hán. Đó là bốn hạng người làm chỗ nương tựa rất chân thật, đem đến rất nhiều sự giải thoát và nhiều sự lợi ích.

- Hạng phàm phu là những người tự mình giữ gìn giới đức, đầy đủ uy nghi, vì để hộ pháp nên đã lãnh thọ chính pháp Như Lai, đọc tụng, thọ trì câu chữ, nghĩa lý, giảng giải rộng rãi cho người khác nghe, sống ít tham muốn, lại vì người khác giảng dạy tám điều đại nhân giác ngộ<sup>2</sup>, giáo hóa những người phạm giới khiến họ ăn năn sám hối, biết nhiều ngôn ngữ của các chúng sinh, tập hành công đức hộ trì chính pháp của hàng bồ-tát. Hạng này gọi là đệ nhất phàm phu trong hàng bồ-tát. Dù vậy, hàng phàm phu này chưa được Như Lai thụ ký cho vào địa vị bồ-tát.

- Hạng Tu-đà-hoàn và Tu-đà-hàm là những người đã chứng đắc chính pháp, lìa mọi nghi hoặc. Họ không bao giờ dạy người những thứ kinh sách phi pháp, luận ký văn vẻ ca tụng thế gian xa khế kinh Phật, hay nuôi nô tỳ, giữ vật phi pháp. Hạng này là Tu-đà-hoàn bồ-tát. Tuy họ chưa đắc địa vị bồ-tát thứ hai, thứ ba, nhưng họ đã được chư Phật thụ ký<sup>3</sup> ngay ở đời này.

---

<sup>1</sup> Tứ y 四依: bốn chỗ nương tựa.

<sup>2</sup> Xem kinh *Bát đại nhân giác*.

<sup>3</sup> Thụ ký 授記 (S: Vyākaraṇa): dự ngôn việc chứng quả trong tương lai cũng như danh hiệu Phật mà người đó thành tựu (PQĐTĐ).

- A-na-hàm là đã đắc chính pháp, lìa mọi hồ nghi. Họ không bao giờ dạy người những thứ kinh sách phi pháp, luận ký văn về ca tụng thế gian xa Khế kinh Phật, hay nuôi nô tỳ, giữ vật phi pháp. Phiền não chưa khởi họ đã biết ngay. Còn những phiền não trong thời quá khứ họ đã đoạn sạch không còn trở lại. Những pháp họ thuyết không đoạn Phật tính, đức hạnh thanh tịnh, thân không có bệnh từ bên ngoài vào; rắn độc bốn đại<sup>4</sup> làm chỗ nương tựa cho các mầm bệnh cũng không thể sinh; khéo giảng vô ngã độ người chấp ngã<sup>5</sup>. Họ đã xa lìa ngô ngã thế gian nhưng vẫn phương tiện tùy thuận thế gian. Họ chỉ thuyết giảng giáo pháp Đại thừa, không thuyết gì khác. Trong thân chẳng có vô lượng não hoạn của tám vạn trùng. Tâm lìa ái dục, không có ác mộng. Thoát tất cả hữu và nạn sinh tử. Người làm được vậy là A-na-hàm. Không còn trở lại cõi đời này nữa là A-na-hàm. Huân tập công đức qua nhiều thời gian, bao nhiêu điều ác không thể nhiễm vào là A-na-hàm. Gọi A-na-hàm này là bồ-tát phát tâm thụ ký. Phát tâm thụ ký nghĩa là người ấy không bao lâu nữa sẽ thành Phật đạo.

- A-la-hán là phiền não đã hết, lìa mọi gánh nặng, những việc cần làm đều đã làm xong, đầy đủ thập địa<sup>6</sup>, đã được thụ ký pháp nhẫn<sup>7</sup> thậm thâm. Họ có khả năng hóa hiện mọi hình về mọi phương diện tùy theo ý muốn. Là bậc Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Giác. Đầy đủ công đức như vậy gọi là bậc A-la-hán.

- Trong kinh Đại Bát-nê-hoàn này có bốn hạng người đó xuất hiện ở đời, đem đến rất nhiều sự giải thoát và nhiều sự lợi ích, làm thầy trời, người giống như chư Phật. Bốn hạng người này làm chỗ chúng sinh nương tựa chân thật.

Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Con không tin rằng bốn hạng người đó có thể làm chỗ nương tựa chân thật. Bởi vì sao vậy? Bởi vì Thế Tôn từng dạy trưởng giả Cù-sư-la<sup>8</sup> rằng: “Nếu như thiên ma, phạm ma hóa hiện làm thân đức Phật, đủ ba hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, vàng hào quang tròn rộng đến một tầm, hiện tướng lông trắng giữa hai chân mày, đến chỗ của ông, ông phải biết cách hàng phục ma ấy. Nay Ta

---

<sup>4</sup> Xem chú thích quyển 1.

<sup>5</sup> Ngã kiến 我見 (S: atma-dr̥ṣṭi), còn gọi thân kiến, nhận thức sai lầm cho rằng có thật ngã thường tồn (ĐPB).

<sup>6</sup> Thập địa 十地: 10 giai vị trong quá trình tu hành của đệ tử Phật. Hành giả trụ ở giai vị này lấy đó làm trú xứ, đồng thời giữ gìn pháp, trưởng dưỡng pháp, khiến cho sinh quả (PQĐTĐ).

<sup>7</sup> Pháp nhẫn 法忍: phẩm chất nhẫn chịu các thứ khổ nạn, khó khăn và đối với Phật pháp tin chắc không nghi (TĐTT).

<sup>8</sup> Cù-sư-la 瞿師羅 (S: Ghosira): tên trưởng giả ở nước Kiêu-thường-di (Kausāmbī), trung Ấn Độ cổ. (ĐPB)

khuyên ông hàng phục bọn ma xấu ác thế kia. Bởi vì sao vậy? Vì không phải là bậc a-la-hán mà lại tự xưng là a-la-hán. Giả sử bọn ma xấu ác biến hóa nhiều trò ngòi, nằm ở giữa hư không, hông trái phun lửa, hông phải phun nước, toàn thân cháy đỏ tan thành mây khói, hoặc có thể thuyết chín bộ khế kinh... ông cũng đừng tin. Vì vậy ông phải hàng phục bọn ma xấu ác đó đi chớ sinh nghi hoặc. Thí như ban đêm con chó ăn vụng vào nhà người ta. Chủ nhà biết được có chó vào nhà lập tức la mắng: “Con chó chết tiệt, hãy mau cút đi, nếu không ta sẽ giết chết bây giờ!” Thế là con chó nhanh chóng bỏ chạy, không dám trở lại. Ác ma Ba-tuần cũng y như vậy. Nếu ác ma đến biến hóa thì ông hãy lấy năm pháp trói buộc<sup>9</sup> của Ta để trói buộc chúng. Bị năm pháp này trói buộc rồi thì ác ma Ba-tuần sợ hãi chạy nhanh, như chó ăn vụng”. Đức Phật còn vì ông Cù-sur-la mà nói lời rằng: “Nay ông có thể hàng phục ác ma thì ông đã gần đến chỗ nê-hoàn”. Kính bạch Thế Tôn! Vậy thì tại sao hôm nay lại nói bốn hàng người kia làm chỗ nương tựa rất là chân thật? Vì lý do đó con nay chẳng tin.

Phật bảo Ca-diếp:

- Đúng vậy thiện nam! Ta nói pháp này cho hàng Thanh văn đầy đủ học nhãn hàng phục chúng ma, chứ không phải cho những người thực hành giáo pháp Đại thừa. Trong hàng Thanh văn tuy có thiên nhãn nhưng Ta vẫn nói họ còn nhục nhãn. Nhưng người nhục nhãn mà tin Đại thừa thì Ta vẫn nói họ có Phật nhãn. Bởi vì sao vậy? Bởi vì những người trì kinh Đại thừa chính là Phật thừa<sup>10</sup>. Lại nữa thiện nam! Giống như đại tướng biết giỏi binh pháp, dạy cho một người tính tình hèn nhát những môn võ thuật, bảo kẻ ấy rằng: “Ông phải nắm chặt đao kiếm chiến đấu, giữ vững tâm mình như ngọn lửa dữ, cẩn thận chớ có quay đầu trở lại. Đến lúc lâm trận hãy nắm giữ chặt binh khí trên tay đại chiến với giặc giống như mãnh hỏa, binh giặc chắc chắn sẽ bị đánh lui”. Đại Hùng Thế Tôn, tướng quân ba cõi, dạy hàng Thanh văn hàng phục chúng ma cũng y như vậy. Lại nữa thiện nam! Thí như một người bản tính dũng mãnh, lại được học thêm binh pháp chiến đấu, chẳng hề khiếp sợ, là kẻ đứng đầu trong hàng chiến sĩ. Cũng vậy, thiện nam! Những người học tập khế kinh Đại thừa thâm sâu vi diệu chẳng còn sợ hãi. Phải biết người ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, đã từng thụ học giáo pháp Đại thừa, niềm tin

---

<sup>9</sup> Năm pháp trói buộc (tức ngũ hệ 五繫): lấy năm thứ tử thi như xác người, xác rắn...trói buộc thiên ma Ba-tuần thì chúng không thoát được, hoặc trói hai tay, hai chân và cổ của thiên ma lại (ĐPB).

<sup>10</sup> Phật thừa 佛乘 (S: buddha-yāna): giáo pháp dạy tất cả chúng sinh đều sẽ thành Phật (ĐPB).

của họ vô cùng vững chắc, cho dù ức trăm ngàn ma biến hóa trọn không sợ hãi, dù chỉ một niệm nhỏ như lông tóc, nhưng chúng ma kia thấy người thụ học kinh điển Đại thừa thì sinh sợ hãi, như kẻ hèn nhát. Thí như rắn độc thấy thuốc trị độc thì sinh sợ hãi, thiên ma Ba-tuần cũng y như vậy. Ức trăm ngàn ma nghe được âm thanh kinh điển Đại thừa, hoặc nghe hương thơm, thấy kinh chiếu sáng thì bao kiêu mạn, cống cao, tự đại thấy đều tiêu hết. Lại nữa thiện nam! Thí như con người nếu thấy rồng dữ, rắn độc, sư tử, hổ, báo, chó sói ai cũng sợ hãi, hoặc chỉ nghe tiếng cũng đã sợ rồi. Nhưng lại có người có được khả năng hàng phục ác thú như kẻ trượng phu. Người thấy ác thú sinh lòng sợ hãi thì cũng giống như hết thấy những hàng Thanh văn, Duyên giác nhìn thấy chúng ma. Nếu thấy chúng ma sinh lòng sợ hãi thì bị chúng ma làm cho lung lạc. Còn như trượng phu có được khả năng hàng phục ác thú, nên biết những người học kinh Đại thừa cũng y như vậy, họ có khả năng hàng phục chúng ma, đã hàng phục rồi lại còn thuyết pháp, như người trượng phu hàng phục thú độc. Bọn ma Ba-tuần tâm đã điều phục liền nói lời rằng: “Từ nay về sau, đối với chính pháp con sẽ phát tâm vui vẻ tin ưa, không dám nhiều loạn”. Nên biết Thanh văn thì còn phiền não, tập khí sợ hãi; còn người Đại thừa đã diệt hoàn toàn tập khí sợ hãi. Người Đại thừa là đồng mãnh tinh tấn. Vì vậy Ta nói những hàng Thanh văn phải nên hàng phục, chớ sinh sợ hãi. Như vậy, thiện nam! Bản kinh Đại thừa Đại bát-nê-hoàn rất là hy hữu. Nếu nghe kinh này thì cũng giống như Phật còn tại thế. Người nào tin nhận cũng là hy hữu. Như hoa ưu-đàm rất khó được gặp, kinh Đại thừa này cũng y như vậy, thật là hy hữu. Ta nê-hoàn rồi, nếu ai gặp được kinh Đại thừa này cũng y như vậy, rất là hy hữu. Ta nê-hoàn rồi, nếu chúng sinh nào nghe được kinh này cũng rất hy hữu. Vì sao hy hữu? Đây thiện nam tử! Vì đời tương lai có nhiều chúng sinh hủy báng kinh này.

Bồ-tát Ca-diếp bạch đức Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Nếu như sau này có nhiều chúng sinh hủy báng kinh này, vậy thì tương lai ai sẽ là người hộ trì chính pháp?

Phật bảo Ca-diếp:

- Sau Ta diệt độ pháp này lưu bố khoảng 40 năm, sau đó ẩn mật. Đây thiện nam tử! Thí như người đời lấy mía, lúa, gạo, tô du<sup>11</sup>, nhũ lạc<sup>12</sup> dùng làm thức ăn. Có

---

<sup>11</sup> Tô du 酥油: còn gọi là tô, xem chú thích quyển 2.

nhiều chúng sinh ăn uống thứ này thì sinh ra bệnh, trái lại ăn uống hoa trái thô cứng lại thấy ngon lành như người ăn uống lúa gạo, tô du... Kinh điển Đại thừa lại không muốn nghe chính là hạng người ăn thứ hoa trái, cỏ cây thô cứng, và đó chính là hàng Thanh văn thừa<sup>13</sup>, bỏ mất mỹ thực kinh pháp Đại thừa Đại bát-nê-hoàn, không ưa muốn nghe.

**[877a]** Lại nữa thiện nam! Thí như ông vua ở trong núi sâu, không có thức ăn lúa gạo, tô du... Nhân dân ông ấy có nhiều thức ngon đều dâng lên vua, còn tự thân mình ăn uống những thứ hoa trái thô cứng. Nhiều người gần gũi với lại nhà vua được thừa hưởng ân, bấy lâu chưa từng thấy thức ăn ngon mà nay được ăn. Cũng vậy, thiện nam! Bốn hạng người này là những tướng quân đồng mãnh bậc nhất ở trong Phật pháp, là đại bồ-tát trong hàng bồ-tát. Nếu có một người xuất hiện ở đời, những nơi họ đến đều lấy kinh điển Đại bát-nê-hoàn giáo hóa chúng sinh, tự mình sao chép, dạy người sao chép, làm cho quyển kinh đến với mọi loài. Nếu chúng sinh nào ở gần với bậc đại bồ-tát ấy nghe được pháp thực Đại thừa nê-hoàn sẽ được thần lực quang minh của họ khiến người nghe kinh, dù chưa từng biết câu cú, nghĩa lý, thậm chí một chữ, được nhuần lợi ích, như những chúng sinh nhờ ân của vua được ăn mỹ thực. Vì vậy, thiện nam! Bản kinh Đại thừa Đại bát-nê-hoàn đến ở nơi nào phải biết chỗ ấy đất thành kim cương, chúng sinh chỗ ấy nghe được pháp này, thụ trì đọc tụng dù chỉ một chữ, phải biết thân họ cũng thành kim cương. Còn những chúng sinh bậc đức thiếu phước không muốn thụ trì kinh điển Đại thừa dù cho chính pháp lưu thông khắp nước, như những chúng sinh trong đất nước mình có bao nhiêu loại thực phẩm thượng vị mà chẳng muốn ăn. Thương thay chúng sinh nghe nghĩa chân thật mà chẳng tin nhận!

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Phật diệt độ rồi pháp này tồn tại khoảng 40 năm, sau đó ắt mất, vậy trong bao lâu pháp này sẽ được lưu bố trở lại?

Phật bảo Ca-diếp:

- Nay thiện nam tử! Sau Ta nê-hoàn, lúc chính pháp còn hơn 80 năm, là lúc kinh điển Đại thừa lưu bố khắp Diêm-phù-đề, qua 40 năm, kinh này lại ắt.

---

<sup>12</sup> Nhũ lạc 乳酪: chất béo trong sữa, chất bơ.

<sup>13</sup> Thanh Văn thừa 聲聞乘: chỉ những người tu tập Tứ đế thành tựu quả thánh Thanh văn (PQĐTĐ).

Ca-diếp lại bạch:

- Như Thế Tôn dạy, lúc kinh Đại bát-nê-hoàn này ần, sau đó lại hiện ở giữa cuộc đời, bấy giờ những người trì giới rất ít, người phạm giới nhiều, chính pháp ần mất, đường chính tôn giảm, vậy thì người nào có được khả năng tin nhận pháp này? Ai sẽ giữ gìn? Ai đọc? Ai tụng? Ai sẽ cúng dường? Ai sẽ giảng giải? Ai biên chép kinh, dạy người sao chép? Cúi xin Thế Tôn phân biệt giải thích, khiến mọi chúng sinh nhờ đó được độ. Chư vị bồ-tát ưa học pháp sâu, nghe Thế Tôn dạy sẽ vâng làm theo.

Phật bảo Ca-diếp:

- Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam tử! Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều số như cát của sông Hi-liên, thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận phát tâm bồ-tát, dù chưa quyết định đăc đạo vô thượng, nhưng không phỉ báng kinh Phương đẳng<sup>14</sup> này.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của một sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phỉ báng kinh điển Phương đẳng, lại còn khởi tâm vui thích tin nhận, nhưng chưa khả năng giảng rộng cho người.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của hai sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phỉ báng kinh điển Phương đẳng, mà tự thân còn thụ học thêm nữa, nhưng cũng chưa có khả năng dạy người.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của ba sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phỉ báng kinh điển Phương đẳng, lại có khả năng tin nhận, thuyết giảng, biên chép kinh điển, nhưng chưa khả năng hiểu được nghĩa lý.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của bốn sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phỉ báng kinh điển Phương đẳng, lại có khả năng tin nhận, thuyết giảng, hiểu được một phần mười sáu nghĩa lý thâm sâu của kinh.

---

<sup>14</sup> Phương đẳng 方等: tên gọi chung cho kinh điển Đại thừa (DPB).

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của năm sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phi báng kinh điển Phương đẳng, lại có khả năng tin nhận, thuyết giảng, biên chép, gìn giữ, hiểu một phần tám nghĩa lý thâm sâu.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của sáu sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phi báng kinh điển Phương đẳng, lại có khả năng tin nhận, thuyết giảng, biên chép, gìn giữ, hiểu một phần tư nghĩa lý thâm sâu.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của bảy sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phi báng kinh điển Phương đẳng, lại có khả năng tin nhận, thuyết giảng, gìn giữ, biên chép, dạy người biên chép, hiểu một phần hai nghĩa lý thâm sâu.

- Nếu chúng sinh nào phát tâm bồ-đề với chư Như Lai nhiều như số cát của tám sông Hằng thì mới có thể đối với chính pháp lúc sắp diệt tận không khởi phi báng kinh điển Phương đẳng, lại có khả năng tin nhận, biên chép, dạy người biên chép, gìn giữ, đọc tụng, giảng giải, truyền bá, khéo léo ẩn mật, gìn giữ chớ che, khéo léo hiển thị, thương xót thế gian, khuyên người cung kính cúng dường kinh điển, chuyên dạy người khác cung kính cúng dường, trí tuệ đầy đủ, hiểu sâu nghĩa lý, khéo biết Như Lai là pháp thường trụ, chẳng phải là pháp thay đổi, hủy diệt, an ổn khoái lạc, khéo hiểu chúng sinh ai cũng đều có tự tính Như Lai, khai mở chúng sinh hiểu rõ điều đó. Chư bồ-tát này trong thuở quá khứ đã từng phụng sự vô lượng chư Phật, vì vậy nên có khả năng hộ trì chính pháp Như Lai. Nếu như hôm nay người ấy lại phát tâm bồ-đề thì đời sau người ấy cũng sẽ kham nhận hộ trì chính pháp và những việc như biên chép, đọc tụng, hiểu nghĩa, giảng giải cho chúng sinh khác họ đều thành tựu.

- Nay thiện nam tử! Nên quán xét rằng, ở đời hiện tại và đời tương lai nếu có người nào tin ưa giáo pháp, phát tâm bồ-đề, phải biết người ấy chính là hộ pháp.

- Lại nữa, thiện nam! Có bọn ngoại đạo vì tham lợi dưỡng, nghe Phật nêu hoàn, liền la lên rằng: “Phật chết hẳn rồi”! Bọn chúng không có một chút lo buồn, ngược lại thêm vui. Ở đời tương lai, trong pháp của Ta, có kẻ giả dạng đắp áo ca-sa xuất gia học đạo, lười biếng, buông lung, phi báng khế kinh nêu hoàn, Phương đẳng... phải biết bọn này chính là những hạng dị đạo hôm nay. Vì vậy những ai tin

sâu giáo pháp, ưa thích Phương đẳng, Đại bát-nê-hoàn đều là những người thành tựu vô lượng công đức thù thắng. Nay thiện nam tử! Giả sử người này trong kiếp quá khứ đã từng tạo tác vô lượng tội lỗi, gieo nhiều nghiệp ác, đáng lẽ phải chịu vô lượng quả báo khổ ở cuộc đời, hoặc bị khinh khi, hoặc rất xấu xí, áo quần chẳng đủ, ăn uống thiếu thốn, cầu tài chẳng lợi, sinh nhà bần tiện, hoặc nhà tà kiến, hoặc bị nạn vua... thì nay nhờ sức công đức hộ pháp chỉ chịu quả báo nhẹ nhàng mà thôi, còn bệnh nhức đầu thì được khỏi hẳn. Nay thiện nam tử! Thí như sương tuyết, lúc trời chưa mọc, đọng lại chưa tan, đến lúc trời mọc thấy đều tan hết. Chúng sinh tạo tác vô lượng tội ác cũng y như vậy, khi vàng mặt trời kinh Đại bát-nê-hoàn này chưa xuất hiện, vô lượng ác báo tích tụ chẳng mất, đến lúc mặt trời Đại bát-nê-hoàn này xuất hiện thì vô lượng ác báo thấy đều tiêu mất. Lại nữa, thiện nam! Thí như một người xuất gia học đạo, dù chẳng giữ giới nhưng được đi chung với đức Như Lai và với đại chúng, ở bất cứ đâu, giả đắp ca-sa, nhận người cúng dường, tên họ vẫn có trong đoàn thể Tăng của đức Như Lai. Cũng vậy, thiện nam! Nếu đại bồ-tát đã chứng Thập địa và hàng ngoại đạo có thể tin nhận một lời trong kinh điển Đại thừa này thoảng qua lỗ tai, thì những người đó đều được nhập vào chúng đại bồ-tát của đức Như Lai. Giả sử họ vì danh dự, lợi dưỡng mà tụng kinh này, nhưng không phỉ báng, thì họ cũng sẽ thành đạo Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Giác. Vì vậy Ta nói bốn hạng người trên là bốn chỗ nương tựa rất chân thật. Trong bốn hạng đó, chỉ cần làm cho một người có được khả năng tự quyết không lấy luận ký ngoại đạo thế tục cho là Phật nói, thì đã xứng danh làm chỗ chúng sinh nương tựa chân thật, phải nên cúng dường, theo học hộ pháp. Cúng dường thế nào? Nếu ai thụ trì kinh điển đại thừa, thì nên suốt đời theo họ để học hộ trì chính pháp; theo họ học rồi còn cúng dường thêm. Vì vậy, Ta nói kệ này:

*Người nào biết chính pháp*

*Bất luận trẻ hay già*

*Nên hết lòng cúng dường*

*Như người thờ thần lửa.*

*Người nào biết chính pháp*

*Bất luận trẻ hay già*

*Phải hết lòng kính lễ*



*Như trời thờ Đế Thích.*

**[878a]** Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, đối với sư trưởng phải nên cung kính đánh lễ, cúng dường là điều tất yếu. Giả sử những bậc trưởng lão theo người trẻ tuổi để học cũng phải cung kính đánh lễ hay sao? Nếu như trưởng lão tuy biết kinh pháp nhưng chẳng giữ giới, còn người trẻ tuổi giữ gìn giới hạnh, thì có kính lễ trưởng lão kia không? Nếu hàng bạch y<sup>15</sup> khéo biết kinh pháp, những người xuất gia theo họ thụ học, thì phải cung kính theo pháp thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

- Những người xuất gia không nên lễ bái những người tại gia, vì họ chẳng phải là ruộng phước điền. Còn người xuất gia thuộc hàng trưởng lão đều là ruộng phước, phải nên kính lễ. Nếu người phạm giới thì không nên lễ. Bởi vì sao vậy? Vì giữ cỏ dại thì hại lúa tốt!

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

- Trong hai bài kệ Thế Tôn đã dạy là phải hết lòng cung kính đánh lễ như những chư thiên phụng sự Đế Thích, nhưng so lời dạy vừa rồi thì nghĩa đã trái ngược nhau? Nếu phải lễ kính tất cả trưởng lão thì các tì-kheo giữ giới ắt bị phạm tội rất nhiều. Kính bạch Thế Tôn! Ngài nói bài kệ nghĩa nó thế nào? Lại nữa, ở trong khế kinh Phật dạy phải nên hàng phục những người phạm giới?

Phật bảo Ca-diếp:

- Ta nói cho hàng bồ-tát tương lai, phải nên hết lòng cung kính đánh lễ, như những chư thiên phụng thờ Đế Thích. Hai bài kệ này nói cho bồ-tát, chẳng phải để nói cho hàng thanh văn. Đây thiện nam tử! Ta nê-hoàn rồi, đến lúc chính pháp Như Lai sắp diệt, người giữ giới giảm, người phạm giới tăng; những bậc thanh tịnh, đạt được giải thoát đều ẩn dật hết, chỉ còn những người xuất gia thụ nhận tài vật phi pháp, nuôi dưỡng nô tỳ... Vào lúc bấy giờ, trong bốn hạng người, nếu có một hạng xuất hiện ở đời, với lòng tịnh tín, từ bỏ gia đình, xuất gia học đạo, cũng thị hiện như những người thụ nhận tài vật phi pháp, nuôi dưỡng nô tỳ, nhưng người ấy biết phân biệt những điều đúng pháp, phi pháp, đúng luật, phi luật, biết rõ người nào

---

<sup>15</sup> Bạch y 白衣 (S: avadāta-vasana): cư sĩ tại gia.

không giữ giới hạnh, cũng tự biết mình phạm tội nặng nề, lại có khả năng biết việc Phật làm, khéo biết phong tục, pháp luật từng vùng. Lúc học chín bộ kinh điển Như Lai, biết người tụng tập chín bộ kinh điển phạm giới trái luật. Dù biết người đó phạm tội rất nặng, nhưng vì hộ pháp nên vẫn phương tiện im lặng không nói lỗi lầm của họ, mà tự nhún nhường theo họ thụ học, vì tâm hộ pháp nên chẳng phá hoại. Phải biết người này xuất hiện ở đời là để hộ pháp.

- Nay thiện nam tử! Thí như đất nước vua mới băng hà, vương tử còn nhỏ chẳng thể trị quốc. Có người dân quê, dòng chiên-đà-la<sup>16</sup>, lợi dụng sức mạnh cướp đoạt ngôi vua. Bảy giờ, những dòng trưởng giả và bà-la-môn suy nghĩ như vậy: Nay chiên-đà-la làm chủ nước này, chúng ta vì sao không phản, lại theo? Bèn bỏ quê hương trốn qua nước khác. Vua chiên-đà-la sai người đuổi theo, chặn các ngã đường. Vua chiên-đà-la đánh trống tuyên lệnh, bảo các trưởng giả và bà-la-môn: “Mọi người chớ đi, ta sẽ chia cho các ông nửa nước”. Nhân dân trong nước có người không đi. Vua lại nói rằng: “Các bà-la-môn! Mọi người hãy chuyển lời của ta rằng, vào bảy ngày sau, các bà-la-môn, những nhân sĩ phải thiết đại hội cho vua chiên-đà-la. Mọi người cùng nhau đến chỗ của vua, cùng với quốc vương và hàng thân tộc dòng chiên-đà-la ăn uống ngủ nghỉ. Nếu có người nào không tuân theo lệnh thì sẽ bị ta nghiêm khắc trừng trị”. Vua lại nói rằng: “Gia tộc của ta có thuốc cam lộ từ trời Đao-lợi, người nào uống vào sẽ được trường sinh, vậy hãy tìm cách giữ gìn, dùng chung”. Bảy giờ có một Phạm chí bện tóc, chuyên tu tịnh hạnh, nghe vua thông báo liền đến chỗ vua, đầu mặt đánh lễ dưới chân nhà vua, thưa rằng: “Muôn tâu đại vương! Thần chính là người làm điều đại ác, bất nhẫn bậc nhất ở trong thiên hạ. Nếu ngài ban cho chức tước, bổng lộc, thì thần nguyện xin nghe theo lệnh ngài”. Vua liền chuẩn tấu. Khi ấy Phạm chí vâng theo lệnh vua, lãnh đạo quốc nội. Bảy giờ trong nước các bà-la-môn đều nổi giận dữ, trách mắng Phạm chí, nhưng Phạm chí vẫn theo vua trị nước. Một thời gian sau, đại thần Phạm chí thưa với vua rằng: “Thần với đại vương cùng nhau lãnh đạo đất nước bấy lâu, chẳng lẽ chưa đủ để tin tưởng nhau, sao chẳng thấy ngài dạy cho pháp thuật?” Vua bảo Phạm chí: “Từ từ ta sẽ dạy ông pháp thuật. Nay trong nhà ta còn thuốc cam lộ của bậc tiên vương, hãy cùng nhau uống”. Rồi vua bèn đem vị thuốc cam lộ cùng với cách dùng giao cho Phạm chí. Đại thần Phạm chí lấy được cam lộ và cách dùng

---

<sup>16</sup> Chiên-đà-la 旃陀羅 (S: caṇḍāla): giai cấp thấp nhất trong xã hội Ấn Độ, chuyên làm những nghề hạ tiện (ĐPB).

rồi, hòa thuốc vào cơm đưa cho vua ăn. Vua ăn thuốc ấy tức thì mạng chung<sup>17</sup>. Bảy giờ đại thần Phạm chí liền lập thái tử của vua thưở trước lên ngôi, truyền trao vương vị, giúp đỡ nhà vua dùng pháp tiên vương giáo hóa dân chúng. Như vậy đại thần Phạm chí không bỏ pháp bà-la-môn thực hành theo pháp của chiêm-đà-la. Đó là Phạm chí tu hạnh bồ-tát cứu vớt chúng sinh, nhân dân trong nước hết lời ca ngợi: “Lành thay! bà-la-môn này hộ trì vương pháp”. Bảy giờ bồ-tát hộ trì chính pháp cũng dùng phương tiện như bà-la-môn lập vương tử đó lên ngôi quốc vương, trong ngoài hoàng cung cho đến đại thần đều theo chính pháp. Vợ con quyến thuộc vua chiêm-đà-la đều bị thuốc độc làm cho mê mẩn, sau khi tỉnh lại bị đuổi khỏi nước. Bậc đại bồ-tát cũng y như vậy, hiện tướng phạm giới, nuôi dưỡng nô tỳ, thụ nhận tài vật không đúng chính pháp, đến chỗ ti-kheo phạm giới, làm ác thụ học kinh điển. Học kinh điển xong, vì muốn truyền dạy cho người trì giới, nên phải ở chung với những người ác, qua lại ăn uống, tự tay nấu nướng, không đi khát thực, vì để hộ pháp nên mới phương tiện làm tám sự việc phi pháp<sup>18</sup> khiến những người ác mê mẩn, nhằm điều phục họ, không cùng bọn họ hòa hợp bố-tát hay dự tự-tứ. Hàng phục tất cả những người phạm giới, rồi cùng hòa hợp với chúng thanh tịnh bố-tát, tự-tứ, đem pháp Đại thừa giảng giải rộng rãi cho mọi người nghe, làm cho an ổn và cứu độ khắp vô lượng chúng sinh. Đó là bồ-tát hộ trì chính pháp. Ta vì những người như thế mà nói hai bài kệ trên. Nếu ti-kheo nào nghe Ta nói đây mà không có tâm hộ trì chính pháp, nhưng muốn phương tiện bắt chước những vị bồ-tát thế kia, thì những người đó gây nên tội lỗi mà Phật đã cấm, nếu nói bồ-tát thật sự có làm những điều xấu ác, thì Ta nói họ là bọn lười biếng. Ta dùng phương tiện dạy pháp vi diệu cho hàng bồ-tát nên nói kệ này:

*Người nào biết chính pháp*

*Bất luận trẻ hay già*

*Nên hết lòng cúng dường*

*Như người thờ Thần lửa.*

*Người nào biết chính pháp*

---

<sup>17</sup> Tham chiếu Bắc bản *Kinh Đại bát-niết-bàn*, Đàm Vô Sấm dịch, vua chi bị ngắt xiu, chưa chết.

<sup>18</sup> Nguyên bản ghi: bát chủng phi pháp 八種非法. Tham chiếu Bắc bản *Kinh Đại bát-niết-bàn*, Đàm Vô Sấm dịch: 八不淨. Theo *Niết-bàn Kinh Sớ* gồm: Vàng, bạc, nô tỳ, trâu, dê, kho vựa, mua bán và trồng trọt.

*Bất luận trẻ hay già  
Phải hết lòng kính lễ  
Như Trời thờ Đấng Thích.*

**[879a]** Bồ-tát Ca-diếp bạch với Phật rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Bồ-tát buông thả, lười biếng như vậy với giới cụ túc có thanh tịnh không?

Phật bảo Ca-diếp:

- Nay thiện nam tử! Với giới cụ túc, nếu như người ấy thành tâm sám hối thì được thanh tịnh. Nay thiện nam tử! Thí như bờ đê bị vỡ thì nước sẽ chảy ra ngoài. Bởi vì sao vậy? Vì không sửa chữa. Nay thiện nam tử! Bờ đê bị vỡ liền đắp vá lại thì giữ được nước. Người giải đãi kia cũng giống như vậy. Với giới cụ túc, bỏ-tát, tự-tứ bị phá vỡ thì giới thể lọt mất. Bởi vì sao vậy? Vì siêng năng giảm, lười biếng lại tăng. Nhưng nếu từ-kheo giới hạnh tổn giảm liền tu chỉnh lại, theo chư bồ-tát hộ pháp học đạo, siêng năng sửa đổi, ân cần sám hối sẽ được thanh tịnh.

Ca-diếp bạch Phật:

- Trái a-ma-lặc<sup>19</sup> mà Thế Tôn từng ví dụ trong kinh, dù sống hay chín cũng khó phân biệt; trì giới, phạm giới, cũng khó nhận biết giống y như thế, vậy phải làm sao để phân biệt được?

Phật bảo Ca-diếp:

- Nay thiện nam tử! Muốn biết tướng trạng trì giới, phạm giới thì y cứ kinh Đại bát-nê-hoàn sẽ phân biệt rõ. Nay thiện nam tử! Như người nông dân gieo trồng ngũ cốc, trừ hết cỏ dại gọi là ruộng sạch. Nếu còn cỏ dại<sup>20</sup> giống y như lúa, đến khi kết hạt, cỏ lúa khác nhau, khi đó sẽ biết thật giả rõ ràng. Bồ-tát hộ pháp cũng y như vậy. Phương pháp làm cho ruộng phước điền Tăng sạch sẽ trước hết phải trừ tám loại hành vi tội lỗi<sup>21</sup>. Lỗi làm trừ sạch, bấy giờ sẽ được gọi là chúng Tăng nhục nhãn thanh tịnh, họ được xếp vào ruộng phước tốt lành dẫn đến thánh quả. Ngoài

---

<sup>19</sup> A-ma-lặc 阿摩勒 (S: Āmala, Āmlikā, Āmlīkā, Amlaphala): tên khoa học là *Tamarindus indica*, giống trái đậu, vị chua, có thể ăn và trị bệnh được; trái này khi còn xanh hay đã chín chỉ một màu, rất khó phân biệt (PQĐTĐ).

<sup>20</sup> Bại 稗: một thứ cỏ giống lúa, hạt hơi đắng, có thể nấu cháo ăn được.

<sup>21</sup> Tức bát chủng phi pháp đã nói trên. Xem ct. *bát chủng phi pháp*.

chúng nhục nhãn là Tăng thanh tịnh. Chỉ cần trừ sạch tám loại rắn độc lỗi lầm xấu ác<sup>22</sup> thì được chúng Tăng ruộng phước tốt lành, dù chưa phải là thanh tịnh tất cả, nhưng cũng xứng đáng làm ruộng phước lành cho trời, người cúng, huống gì là bậc thành tựu rốt ráo diệu quả thánh hiền, ruộng phước thanh tịnh, là bậc tiêu biểu vượt ngoài thấy biết của hàng nhục nhãn?

- Lại nữa thiện nam! Thí như nước nọ có hai loại quả, một là ca-lưu<sup>23</sup>, hai là chiêm-mâu<sup>24</sup>. Cây ca-lưu thì có trái rất đắng, còn cây chiêm-mâu có trái rất ngọt. Nhưng cả hai cây đều có hoa, lá và trái giống nhau. Có một người kia không biết phân biệt hai loại trái trên lượm hết đem về, rồi ra chợ bán, người mua ăn vào bị chết rất nhiều. Bấy giờ người trí nghi là trái độc liền đến dò hỏi: “Ông lượm trái này từ chỗ nào về?” Đáp: “Ở chỗ nọ”. Người trí liền bảo với kẻ kia rằng: “Đó là trái độc, làm chết nhiều người, phải bỏ đi mau”. Cũng vậy, thiện nam! Chúng Tăng lười biếng, làm tám điều ác<sup>25</sup>, thì người trí giới ở chung với họ như cây trái ngọt mọc chung trong rừng với cây có độc, bỏ-tát hộ pháp dạy họ từ bỏ, không để những người đệ tử tin tâm thân cận lễ bái, cung kính, cúng dường, sợ đoạn mạng sống, mất giống trí tuệ, đọa vào địa ngục. Vì vậy những người cư sĩ nếu có lòng tin cần phải khéo léo phân biệt, chớ thấy hình tướng liền theo gàn gũi, mà phải đến hỏi họ có làm tám điều phi pháp không? Tự-tứ, bỏ-tát có hòa hợp không? Nếu họ không làm tám điều phi pháp, thì hàng Tăng đó được Thế Tôn nhận, vì thương chúng sinh, ở rừng Kỳ-hoàn<sup>26</sup> cùng chung hòa hợp y như vàng thật tụ về một chỗ. Phải biết đây là chỗ đáng cúng dường. Còn nói không nhận, không cùng hòa hợp bỏ-tát, tự-tứ, phải biết bọn họ chẳng phải là chỗ trời, người cúng dường, các ti-kheo khác không nên cùng họ bỏ-tát, tự-tứ. Còn nếu như hỏi mà vẫn không biết, thì phải nương vào khế kinh chân thật của đức Như Lai để mà phân biệt. Nếu người ngu si, chẳng biết phân biệt, đi theo cung kính, chu cấp vật dụng và thường gàn gũi, Ta nói kẻ ấy sẽ đọa đường ác.

---

<sup>22</sup> Xem *bát chủng phi pháp*.

<sup>23</sup> Ca-lưu 迦留: không tra thấy. Tham chiếu Bắc bản *kinh Đại bát-niết-bàn*, Đàm Vô Sấm dịch: Ca-la-ca 迦羅迦 (S: Kālaka): loại quả có màu đen, giống trái xí muội, rất độc.

<sup>24</sup> Chiêm-mâu 沾牟: không tra thấy. Tham chiếu Bắc bản *kinh Đại bát-niết-bàn*, Đàm Vô Sấm dịch: Trấn-đầu-ca 鎮頭迦 (S: Tinduka): loại quả như quả thị, không độc, rất giống trái Ca-la-ca.

<sup>25</sup> Xem *bát chủng phi pháp*.

<sup>26</sup> Kỳ-hoàn 祇桓: hay Kỳ-thụ Cấp Cô Độc viên (S: Jetavana-anāthapiṇḍasyārāma): một trong những thánh địa Phật giáo, nằm phía Nam thành Xá-vệ của nước Kiêu-tất-la thuộc Trung Ấn ngày xưa (PQĐTĐ).

- Lại nữa thiện nam! Thí như núi Tuyết<sup>27</sup> có loại thảo dược vị nó rất ngọt. Bảy giờ thương nhân đem thứ thuốc ấy đi bán khắp nơi. Có một người nọ không biết phân biệt về các loại thuốc, hỏi thương nhân rằng: “Ông có dược thảo vị ngọt ở vùng núi Tuyết hay không?” Thương nhân nói: “Có”! Người nọ liền mua. Nhưng người lái buôn thì đưa thuốc đắng. Người nọ tìm mua thuốc ngọt mà lại bị tráo thuốc đắng. Chúng Tăng thanh tịnh như thuốc núi Tuyết mà cùng với những tì-kheo lười biếng, phạm giới ở chung, những người tín tâm cúng dường lễ bái, phải biết đây là người trần mắt thịt, giống như kẻ nọ chẳng biết phân biệt thuốc ngọt, thuốc đắng. Người nào thanh tịnh, kẻ nào phạm giới, tướng trạng khó biết, người trần mắt thịt không thể phân biệt, chỉ người thiên nhãn mới khéo phân biệt. Cho nên những ai làm tám điều ác, dù mặc pháp phục, không nên thụ nhận người ta cung kính, lễ bái cúng dường. Nhưng nếu có thể sửa đổi, sám hối, bỏ tám điều ác thì cũng trở thành bậc Tăng thanh tịnh.

Ca-diếp bạch Phật:

- Hay thay! Hay thay! Thế Tôn giảng nói pháp hoan hỷ này! Con sẽ lãnh thụ giống như giữ gìn bảo vật kim cương.

Bảy giờ bò-tát Ca-diếp lại bạch:

- Thế Tôn có dạy cho các tì-kheo bốn pháp nương tựa. Bốn pháp đó là: Nương tựa chính pháp, không nương tựa người; nương nghĩa quyết định, không nương tựa pháp nghĩa chưa quyết định<sup>28</sup>; nương tựa trí tuệ, không nương tựa thức; nương tựa nghĩa lý, không nương văn tự. Chúng con tin bốn pháp nương tựa này, chứ không tin bốn hạng người có thể làm chỗ chúng sinh nương tựa chân thật.

Phật bảo Ca-diếp:

- Tên các pháp đó chính là Như Lai đại bát-nê-hoàn. Hết thầy chư Phật đều đồng pháp ấy. Chư Phật Như Lai đắc pháp ấy rồi thường trụ bất biến, không hề hư hoại. Đối với Như Lai mà nghĩ vô thường, Ta bảo người đó chẳng hề biết pháp, nên chẳng đáng tin. Còn bốn hạng người mà Ta đã nói họ đều khéo hiểu phương

---

<sup>27</sup> Núi Tuyết (tức Tuyết sơn 雪山; S: Himālaya): tức Hi-mã-lạp sơn, dãy núi nằm ở phía bắc Ấn độ, quanh năm tuyết trắng phủ đầy, nên gọi là núi Tuyết (ĐPB).

<sup>28</sup> Nguyên bản: 依決定說不依未定. Tham chiếu Bắc bản *kinh Đại bát-niết-bàn*, Đàm Vô Sấm dịch 依了義經不依不了義經: nương tựa kinh thấu đạt diệu nghĩa, không nương tựa kinh chẳng thấu đạt nghĩa.

tiện mật giáo của đức Như Lai, họ biết Như Lai là pháp thường trụ, chẳng phải là pháp thay đổi, hư hoại. Chư Phật Như Lai cũng ở trong họ. Bốn hạng người đó và chúng sinh khác khéo hiểu nghĩa lý phương tiện mật giáo Như Lai thường trụ, cho nên Ta nói họ làm nền tảng cho sự nương tựa, phải biết nên tin. Vì ý nghĩa này Ta nói bốn hạng người ấy là chỗ nương tựa chân thật.

- Nương tựa pháp là, chư vị Thanh văn đại đức, trí tuệ, đối với chính pháp tâm không thất niệm; chính pháp chính là Như Lai thường trụ; đối với chính pháp phương tiện tinh cần, gọi là y pháp.

- Không nương tựa người là người phạm giới, tham dục, phiền não, lại nói Như Lai là pháp vô thường. Hạng người như vậy không đáng tin cậy, cho nên Ta nói không nên nương tựa.

- Nương nghĩa quyết định: Nghĩa quyết định là hàng đại bồ-tát. Chư vị thanh văn đối với phương tiện mật giáo Như Lai tâm còn nghi ngờ, chưa có lòng tin. Biền trí Đại thừa khiến cho tâm ấy đi đến quyết định, lìa mọi nghi hoặc. Quyết định nghĩa là trí tuệ Đại thừa vĩnh viễn xa lìa tất cả chướng ngại. Chướng ngại tức là trí của thanh văn. Chư vị bồ-tát khéo lấy trí tuệ Đại thừa quyết định, hiểu được Như Lai là pháp thường trụ, cho nên bồ-tát là chỗ đáng tin.

- Nghĩa chưa quyết định là trí thanh văn, họ nói thân Phật là do thức ăn ô uế nuôi dưỡng, Như Lai nê-hoàn tức là diệt tận, giống như lửa tắt. Do trí như vậy nên chẳng đáng tin. Cho nên Như Lai thuyết bản kinh này phương tiện giáo hóa cho những chúng sinh nhị thừa<sup>29</sup> lầm lạc. Hạng người thanh văn là trí hữu dư<sup>30</sup>, là không quyết định, vì vậy cho nên gọi thanh văn là trí chưa quyết định, bởi trí tuệ ấy không thể hiểu được lời dạy của bậc Như Lai Đại thánh. Cho nên nói họ là không đáng tin. Do đó Như Lai nói nghĩa quyết định chính là bốn chỗ nương tựa chân thật.

- Nương vào trí tuệ: Trí tuệ chính là tin pháp thân Phật, còn thân phương tiện thì không đáng tin. Thế nào là chỉ thấy thân phương tiện của đức Như Lai? Là cho rằng thật có âm, giới, nhập<sup>31</sup>, nếu không thì thân này từ đâu tới, và nay hiện có tích

---

<sup>29</sup> Nguyên bản 二道: tức nhị thừa.

<sup>30</sup> Hữu dư 有餘 (S: sopadhi-sēṣa): sự hiểu biết chưa đạt đến cứu cánh (ĐPB).

<sup>31</sup> Âm giới nhập 陰界入: tức 5 âm, 18 giới, 12 nhập (ĐPB).

tụ xá-lợi? Vì có xá-lợi hiện giữa thế gian, nên nói pháp thân là thân ô uế, thức ăn nuôi dưỡng. Bởi thức khởi lên ý nghĩ hư vọng như vậy cho nên không thể tin tưởng. Thức không đáng tin, cho nên những người sử dụng ý thức, phải biết người đó cũng không đáng tin.

- Nương tựa nghĩa lý: Nghĩa tức là chính. Chính là đầy đủ. Đầy đủ nghĩa là không bị sút giảm. Không sút giảm là Như Lai thường trụ. Như Lai thường trụ là pháp thường trụ. Pháp thường trụ nghĩa là tăng thường trụ, đó là lời Phật. Như thế gọi là nương tựa nghĩa lý. Nếu kẻ phạm phu tâm không ngay thẳng, may nhờ Như Lai từ bi che chở cho nên họ được xuất gia học đạo, nhưng rồi lười biếng, buông lung, phạm giới, nói rằng: “Đức Phật cho phép được nuôi súc vật, đầy tớ, nhận vật phi pháp”. Gặp lúc mất mùa, thì lại nói rằng: “Đệ tử của Phật chớ nên chịu khổ. Đức Phật cho phép nuôi giữ súc vật, trâu, ngựa, đầy tớ, cất giữ lúa gạo, tiền tài, vàng, bạc, buôn bán kiếm lời”. Những thứ kinh luật văn từ như vậy không nên tin theo. Người nào tin theo những kinh luật đó, phải biết người đó cũng không đáng tin. Vì ý nghĩa này cho nên mới nói phải nương tựa nghĩa. Phi nghĩa tức là cho rằng tam bảo là pháp vô thường, thay đổi, hủy diệt. Đây là phi nghĩa, cũng gọi văn tự, do đó nói rằng phải nương ý nghĩa, đừng nương văn tự. Giả sử ngoại đạo có thuyết kinh luật, ý nghĩa lại hợp giáo pháp Đại thừa, thì nên tin theo, điều đó chẳng phải chỉ là văn tự.

- Này thiện nam tử! Bốn điều y cứ và bốn hạng người nhục nhãn nói trên là chỗ nương tựa chân thật ở đời, gọi là tứ y. Nên học như vậy!